

Tư tưởng của V.I. Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga và ý nghĩa đối với Việt Nam

Đào Thị Minh Thảo¹

¹ Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: daominhthao71@gmail.com

Nhận ngày 17 tháng 7 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 8 năm 2020.

Tóm tắt: Trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và thời kỳ đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở nước Nga, V.I. Lê-nin đã để lại di sản lý luận quý báu về thời kỳ quá độ lên CNXH, bao gồm nhiều nhận định, chỉ dẫn về con đường, kế hoạch, biện pháp trong xây dựng CNXH đối với nước Nga và những lưu ý cho các nước nông nghiệp lạc hậu đi lên CNXH. Tư tưởng đó của V.I. Lê-nin đã có ảnh hưởng to lớn đối với Việt Nam trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN).

Từ khoá: Cách mạng tháng Mười Nga, chủ nghĩa xã hội, tư tưởng của V.I. Lê-nin.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Leading the Russian October Revolution in 1917 and the building of socialism in Russia in its early period, V.I. Lenin left a valuable theoretical legacy on the transition to socialism, which includes many views and instructions on the path, plans and measures in the building of socialism for the country, and on what obsolete agricultural countries need to pay attention to while advancing to socialism. His ideology had a great influence on Vietnam in its process of socialist revolution.

Keywords: Russian October Revolution, socialism, V.I. Lenin's ideology.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Từ giữa thế kỷ XIX, với quan niệm duy vật về lịch sử, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã phát

hiện ra xu hướng phát triển tất yếu của xã hội loài người và đưa ra dự báo về sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (CSCN). Các ông đã nhận định: để đi

đến chủ nghĩa cộng sản (CNCS) thì tất yếu phải thực hiện cách mạng vô sản (CMVS) và sẽ nổ ra, trước hết ở các nước tư bản phát triển: “Cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa không những có tính chất dân tộc mà sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh, tức là ít nhất, ở Anh, Mỹ, Pháp và Đức. Trong mỗi một nước đó, cách mạng cộng sản chủ nghĩa sẽ phát triển nhanh hay chậm là tùy chỗ ở nước nào trong những nước đó có công nghiệp phát triển hơn, tích lũy được nhiều của cải hơn và có nhiều lực lượng sản xuất hơn” [10, t.4, tr.472]. Hai ông cũng đưa ra những phác thảo đầu tiên, những đặc trưng kinh tế - xã hội cơ bản của CNCS.

Cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản (CNTB) chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang CNTB độc quyền hay còn gọi là chủ nghĩa đế quốc. Lúc này, lực lượng sản xuất trong các nước tư bản đã mang tính chất xã hội hoá và trình độ của lực lượng sản xuất cũng đã phát triển cao. Nhận thấy rõ những quan hệ sản xuất cũng “đang thay đổi”, V.I. Lê-nin nhận định: “Những quan hệ kinh tế - tư nhân và những quan hệ tư hữu là một cái vỏ, không còn phù hợp với nội dung của nó nữa” [7, t.27, tr.539]. Đó cũng là những tiền đề, là nhu cầu cần thiết phải thực hiện cách mạng vô sản để xoá bỏ CNTB, thiết lập CNXH.

Nghiên cứu xã hội tư bản trong điều kiện mới, V.I. Lê-nin phát hiện ra quy luật phát triển không đều của CNTB và nêu lên nhận định mới về khả năng thắng lợi của CMVS là: CNXH có thể thắng trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa (TBCN) hoặc chỉ trong một nước TBCN. Các nước kém phát triển cũng có thể và cần thiết phải tạo ra những điều kiện tiên quyết để thực hiện một cuộc cách mạng thiết lập chính quyền công nông và thông qua đó tiến lên thực hiện CNXH.

Cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi đã minh chứng cho sự đúng đắn của nhận định trên. Sau đó, V.I. Lê-nin trực tiếp tổ chức và lãnh đạo công cuộc xây dựng CNXH ở nước Nga, và từ thực tiễn nước Nga, V.I. Lê-nin đã có đóng góp đặc biệt trong phát triển lý luận về “thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội” [5, t.38, tr.464] và con đường xây dựng CNXH. Tư tưởng của V.I. Lê-nin đã làm thay đổi lịch sử thế giới đầu thế kỷ XX và có ảnh hưởng to lớn đến nhiều quốc gia đang đấu tranh giành độc lập và tìm kiếm con đường phát triển, trong đó có Việt Nam.

Nghiên cứu tư tưởng của V.I. Lê-nin về xây dựng CNXH đã từng có nhiều công trình đi vào tìm hiểu, khai thác. Trong đó đáng chú ý có giáo trình các môn lý luận Mác – Lê-nin, đã phân tích nội dung này dưới các góc độ triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học; và một số bài nghiên cứu trên các tạp chí lý luận đi vào bàn riêng về chính sách kinh tế mới của V.I. Lê-nin hoặc con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Bài viết này nghiên cứu về tư tưởng của V.I. Lê-nin về xây dựng CNXH ở nước Nga và sự vận dụng vào việc xây dựng CNXH ở Việt Nam. Mong muốn đóng góp của chúng tôi là: (1) làm rõ những ý nghĩa lớn lao, đặc biệt là ý nghĩa thực tiễn trong tư tưởng của V.I. Lê-nin đối với lịch sử Việt Nam hiện đại, đặc biệt là với công cuộc đổi mới 30 năm qua; (2) góp phần khẳng định tư duy, bản lĩnh đặc biệt của V.I. Lê-nin và đóng góp to lớn của ông trong việc xác lập chế độ xã hội XHCN; (3) chỉ ra những hiệu quả thực tế từ việc vận dụng đúng đắn và sáng tạo tư tưởng của V.I. Lê-nin, của Đảng

Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn lãnh đạo công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

2. Nhận định của V.I. Lê-nin về con đường và điều kiện đi lên chủ nghĩa xã hội

V.I. Lê-nin đã cụ thể hoá quá trình phát triển lên CNCS thành 3 giai đoạn: Giai đoạn “những cơn đau đẻ kéo dài” (“thời kỳ quá độ” từ CNTB đi lên CNXH); “giai đoạn thấp” (CNXH), và “giai đoạn cao” (CNCS). Ông nhận định: Thời kỳ quá độ không phải là CNXH hoàn chỉnh. Trong một xã hội đang ở thời kỳ quá độ chưa thể có đầy đủ những thuộc tính của CNCS, nhưng đã thể hiện bản chất này nói chung và phản ánh xu hướng đi tới CNCS. V.I. Lê-nin đã chỉ ra hai con đường đi lên CNXH: (1) Quá độ trực tiếp lên CNXH. Con đường này có thể thực hiện đối với các nước tư bản phát triển, với một lực lượng sản xuất tiên tiến; (2) Quá độ gián tiếp đi lên CNXH qua nhiều khâu quá độ trung gian. Con đường này dành cho các nước tư bản ở trình độ phát triển trung bình, các nước lạc hậu, chưa qua TBCN. V.I. Lê-nin gọi đây là loại “đặc biệt” và “đặc biệt của đặc biệt”. Thực tiễn lịch sử ở Nga và Đông Âu là biểu hiện của loại “đặc biệt”, là nước tư bản còn non yếu đi lên CNXH. Các nước Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên, Lào là biểu hiện của loại “đặc biệt của đặc biệt”, là nước phong kiến, nông nghiệp lạc hậu quá độ đi lên xây dựng CNXH.

V.I. Lê-nin viết: “... ở một nước trong đó những người sản xuất - tiểu nông chiếm tuyệt đại đa số dân cư, chỉ có thể thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng một loạt những biện pháp quá độ đặc biệt, hoàn toàn không cần thiết ở những nước tư bản phát triển trong đó công nhân làm thuê trong

công nghiệp và nông nghiệp chiếm tuyệt đại đa số dân cư... Chỉ có một giai cấp như vậy mới có thể là chỗ dựa về mặt xã hội, kinh tế và chính trị cho sự chuyển trực tiếp lên CNXH. Chỉ trong những nước mà giai cấp ấy đã phát triển đầy đủ, thì mới có thể trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mà không cần đến những biện pháp quá độ đặc biệt có tính chất toàn quốc...” [7, t.43, tr.68-69]. Ông cũng nhận định rằng: “với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” [7, t.43, tr.295].

Với tình hình cụ thể ở nước Nga, V.I. Lê-nin chỉ rõ: “Ở Nga, công nhân công nghiệp là thiểu số, còn tiểu nông là tuyệt đại đa số. Trong một nước như vậy, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thắng lợi triệt để với hai điều kiện. Điều kiện thứ nhất là có sự ủng hộ kịp thời của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước hay một số nước tiên tiến... Điều kiện nữa là sự thoả thuận giữa giai cấp vô sản đang thực hiện sự chuyên chính của mình hoặc đang nắm chính quyền nhà nước với đại đa số nông dân” [7, t.43, tr.69].

Từ thực tiễn nước Nga, V.I. Lê-nin đã nêu lên luận điểm về thời kỳ quá độ với một loạt những bước quá độ lên CNXH ở các nước kém phát triển. Những bước quá độ ấy, theo V.I. Lê-nin là “chủ nghĩa tư bản nhà nước và chủ nghĩa xã hội” [6, t.44, tr.189]. Bước quá độ qua CNTB nhà nước đã được thể hiện rất sinh động trong “Chính sách kinh tế mới” của V.I. Lê-nin. Ông cũng cảnh báo những người cộng sản rằng, thời kỳ quá độ có thể lâu dài, với nhiều khó khăn, phức tạp, có thể phải trải qua nhiều lần thử nghiệm để có thể tìm ra hướng đi

đúng đắn. Do vậy, phải hết sức thận trọng vì trong quá trình thực hiện có thể gặp phải những sai lầm. Với những nước “tiểu nông, lạc hậu” quá độ lên CNXH thì phải xuất phát từ tất yếu khách quan về kinh tế - kỹ thuật mà xác định bước đi cho phù hợp. Nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ của các nước này là công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), phải tạo ra sự gắn kết giữa công nghiệp với nông nghiệp và khoa học công nghệ hiện đại.

Theo V.I. Lê-nin, với các nước nông nghiệp lạc hậu đi lên xây dựng CNXH thì thời kỳ quá độ sẽ phải qua rất nhiều khó khăn, phức tạp vì ở đó chưa có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại và còn chưa được qua “trường học dân chủ tư sản”. Họ sẽ phải tiếp tục đấu tranh khắc phục những biểu hiện của tính tiểu tư sản, tiểu nông trong Đảng và trong quần chúng, nâng cao kỷ luật lao động và tinh thần cảnh giác chống lại mọi kẻ thù phá hoại. Công cuộc xây dựng CNXH các nước “đặc biệt của đặc biệt” này sẽ phải trải qua rất nhiều “những bước quá độ nhỏ”, những “hình thức trung gian”. Không thể chủ quan, nóng vội, “đốt cháy giai đoạn”, mà phải chú ý vận dụng đúng quy luật khách quan, xác lập vững chắc các tiền đề, chuẩn bị chu đáo các điều kiện để giành thắng lợi từng bước. V.I. Lê-nin chỉ rõ: “Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại sinh ra, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, bằng cách áp dụng chế độ hạch toán kinh tế. Nếu không, các đồng chí sẽ không tiến đến chủ nghĩa cộng sản được” [7, t.43, tr.189].

3. Kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội của V.I. Lê-nin

Năm 1918, khi hình dung mô hình CNXH trong tương lai, V.I. Lê-nin đã đưa ra công thức về CNXH: “chính quyền Xô viết + trật tự đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các Torót Mỹ + nền giáo dục quốc dân Mỹ + etc.etc = chủ nghĩa xã hội” [5, t.36, tr.684]. Điều này cho thấy ông thừa nhận, tôn trọng và kế thừa những giá trị mà nhân loại đã có được trong thời kỳ phát triển TBCN. Sau đó, khi trực tiếp tiến hành xây dựng CNXH ở nước Nga, V.I. Lê-nin đề ra và chỉ đạo thực hiện những nội dung sau:

Một là, tạo dựng những đặc trưng của nền kinh tế XHCN.

- CNXH sẽ là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất với hai hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Trong đó, sở hữu toàn dân là hình thức sở hữu cao nhất, đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

- Mục đích của nền sản xuất XHCN là nhằm thỏa mãn đầy đủ nhu cầu về vật chất và tinh thần cho toàn xã hội. Do vậy phải chú ý phát triển lực lượng sản xuất, phát triển trình độ khoa học - kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. V.I. Lê-nin đặc biệt chú ý tới yếu tố năng suất lao động. Theo ông, CNXH chỉ có thể thắng lợi khi tạo ra được năng suất lao động cao hơn CNTB.

- Để nâng cao năng suất lao động, tạo động lực phát triển kinh tế phải thực hiện nghiêm chế độ hạch toán kinh tế.

- Về phân phối dưới CNXH, V.I. Lê-nin nhất trí với quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n là phân phối theo lao động với nguyên tắc: người nào không làm thì không có ăn; với số lượng lao động ngang nhau thì được hưởng số lượng sản phẩm bằng nhau.

- Nền kinh tế XHCN là nền kinh tế quản lý có kế hoạch, tập trung, thống nhất, dưới sự quản lý của nhà nước XHCN.

- Nền kinh tế XHCN phải được tổ chức theo kiểu sản xuất hàng hoá và vận động theo các quy luật kinh tế hàng hoá.

Hai là, quốc hữu hoá, hợp tác hoá XHCN. Quốc hữu hoá XHCN là xoá bỏ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của giai cấp bóc lột, chuyển nó thành sở hữu toàn dân. Dưới thời V.I. Lê-nin đã thực hiện hai hình thức: (1) tịch thu không hoàn lại; (2) tịch thu có bồi thường một phần cho chủ tư bản.

Hợp tác hoá là quá trình chuyển người lao động cá thể thành người lao động tập thể, nhằm hình thành và phát triển sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất. Các nguyên tắc khi thực hiện hợp tác hoá là: tự nguyện, từ thấp đến cao, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và sự giúp đỡ của nhà nước.

Ba là, công nghiệp hoá. CNXH được hình thành trên cơ sở nền sản xuất lớn, với tư liệu sản xuất tiên tiến. Để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất thì các nước kém phát triển, chưa qua TBCN phải thực hiện công nghiệp hoá. Những năm sau nội chiến, kinh tế Nga rất eo hẹp. Để cứu cánh cho nền kinh tế, Nga phải tập trung phát triển nông nghiệp. Song, ngay thời kỳ này, V.I. Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh tới việc phải phát triển đại công nghiệp, lấy công nghiệp nặng làm nền tảng vật chất - kỹ thuật cho CNXH. Ông khẳng định: “Chủ nghĩa cộng sản là chính quyền Xô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc... Chỉ khi nào nước ta đã điện khí hóa, chỉ khi nào công nghiệp, nông nghiệp và vận tải đã đứng vững trên cơ sở kỹ thuật của đại công nghiệp hiện đại, thì lúc đó, chúng ta mới có thể đạt được thắng lợi hoàn toàn” [5, t.41, tr.195]. Với tinh thần ấy, V.I. Lê-nin đã chỉ đạo dành những nguồn

tài chính, vật chất, nhân lực, trí tuệ tốt nhất có thể để xây dựng đại công nghiệp cơ khí. Do đó, tốc độ công nghiệp hóa ở Liên Xô rất nhanh chóng. Nó không chỉ đẩy lùi nền kinh tế tiểu nông mà còn tạo ra một nền sản xuất lớn, tiên tiến hiện đại, một liên bang Xô viết hùng cường và có uy tín lớn trên thế giới những năm sau đó.

Bốn là, cách mạng tư tưởng văn hoá. V.I. Lê-nin từng viết: “lịch sử tư tưởng chính là lịch sử của quá trình thay thế của tư tưởng, do đó là lịch sử đấu tranh tư tưởng” [7, t.25, tr.131]. Xuất phát từ sự đòi hỏi thay đổi phương thức tinh thần, làm cho phương thức sản xuất tinh thần của xã hội phù hợp với phương thức sản xuất mới, V.I. Lê-nin cho rằng, cần phải xoá nạn mù chữ, khắc phục tình trạng lạc hậu, đào tạo con người để có được đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Cách mạng văn hoá - tư tưởng nếu thực hiện tốt sẽ có tác động sâu sắc đến các quan hệ kinh tế - xã hội, đến công cuộc công nghiệp hoá, đến đời sống thường ngày của người dân. Vì vậy, xây dựng nền văn hoá mới của nước Nga cách mạng là một trận tuyến quan trọng. Đây là một cuộc đấu tranh quyết liệt để chống lại hệ tư tưởng cũ, xác lập hệ tư tưởng mới trong toàn xã hội. Ông viết: “Mục đích của văn hoá chính trị, của nền giáo dục chính trị là tạo nên những người cộng sản chân chính, có khả năng thắng được sự dối trá và các thiên kiến, và có khả năng giúp đỡ quần chúng lao động thắng được chế độ cũ và xây dựng được một nhà nước không có bọn tư bản, bọn bóc lột và bọn địa chủ” [5, t.41, tr.479]. V.I. Lê-nin chỉ rõ rằng, trong cách mạng văn hoá, các lĩnh vực nghệ thuật cũng phải thấm nhuần tinh thần đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, hướng tới các mục tiêu XHCN.

4. Những biện pháp cách mạng của V.I. Lê-nin trong lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội

Sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, nước Nga đứng trước vô vàn khó khăn: khủng hoảng kinh tế, chủ nghĩa đế quốc bao vây, các lực lượng cơ hội, phản cách mạng nổi lên chống phá, trong đó còn có giai đoạn nội chiến 1918-1920... Trước tình thế đó, V.I. Lê-nin và Đảng Cộng sản Nga đã áp dụng linh hoạt nhiều biện pháp, chính sách kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội để sớm bình ổn tình hình và thúc đẩy sự phát triển của CNXH ở Nga.

Ban đầu, để đáp ứng yêu cầu phục vụ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, từ tháng 4 năm 1918 đến tháng 3 năm 1921, Nga áp dụng *Chính sách cộng sản thời chiến*: thực hiện quốc hữu hóa công nghiệp; Nhà nước trưng thu lương thực của nông dân sau khi dành lại cho họ một mức tối thiểu để chu cấp cho quân đội và nhân dân; thi hành chế độ cưỡng bức lao động; lương thực và phần lớn hàng hóa, nhu yếu phẩm được phân phối theo phương thức tập trung. Trong hoàn cảnh phải huy động tối đa nguồn lực cho cuộc đấu tranh chống sự bao vây, can thiệp của đế quốc và bảo vệ chính quyền cách mạng, *Chính sách cộng sản thời chiến* đã phát huy tác dụng tích cực, giúp nước Nga nhanh chóng chấm dứt chiến tranh, bảo vệ thành công chính quyền Xô viết non trẻ.

Hoà bình lập lại, *Chính sách cộng sản thời chiến* dần không còn phù hợp. Việc trưng thu lương thực thừa đã dẫn đến triệt tiêu động lực sản xuất của nông dân. Việc xoá bỏ quan hệ hàng hoá - tiền tệ cũng làm cho nền kinh tế trì trệ và nước Nga đã lâm vào khủng hoảng kinh tế, chính trị sâu sắc. Để ổn định chính trị và kinh tế, V.I. Lê-nin đã đưa ra giải pháp “Phải bắt đầu từ nông

dân” [7, t.43, tr.263]. Nghĩa là, hướng về nông thôn, khôi phục nền nông nghiệp, cải thiện đời sống nông dân, từ đó cải thiện đời sống công nhân và các tầng lớp lao động khác trong xã hội. Người lập luận: “Tại sao lại chính là của nông dân chứ không phải là của công nhân? Vì muốn cải thiện đời sống của công nhân thì phải có bánh mì và nguyên liệu” [7, t.43, tr.262]. V.I. Lê-nin còn nhiều lần nhấn mạnh “sự cần thiết phải chú ý đến nền kinh tế nông dân” [6, t.44, tr.196], coi đó là chìa khóa để giải quyết hàng loạt những vấn đề khác trong thời kỳ quá độ lên CNXH từ một nước nông nghiệp lạc hậu [7, t.43, tr.175-191, tr.298].

Tháng 3/1921, Đại hội lần thứ X Đảng Cộng sản Nga do V.I. Lê-nin lãnh đạo đã bãi bỏ *Chính sách cộng sản thời chiến*, chuyển sang thực hiện *Chính sách kinh tế mới (NEP)* để tiếp tục kế hoạch xây dựng CNXH trong giai đoạn mới. Nội dung và biện pháp chủ yếu của *NEP* là:

- Thay thế chính sách trưng thu lương thực bằng chính sách thuế lương thực. Theo đó, người dân chỉ nộp thuế lương thực ở mức cố định hàng năm, căn cứ trên điều kiện đất canh tác của người dân.

- Tổ chức thị trường và tự do lưu thông hàng hoá trên thị trường. Thiết lập quan hệ hàng hoá - tiền tệ giữa Nhà nước và nông dân, giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

- Thực hiện kinh tế hàng hoá nhiều thành phần (5 thành phần kinh tế). Khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế quá độ: sản xuất hàng hoá nhỏ của nông dân, thợ thủ công, kinh tế tư bản tư nhân; sử dụng CNTB nhà nước; củng cố các doanh nghiệp nhà nước, chuyển sang chế độ hạch toán kinh tế.

NEP với những thay đổi về thuế lương thực và thừa nhận cơ chế tự do thương mại

đã nhanh chóng phát huy tác dụng trong nền kinh tế. Sự điều chỉnh mối quan hệ trao đổi hàng hoá giữa thành thị và nông thôn đã tạo nên động lực lợi ích đối với người nông dân, tạo ra nguồn thực phẩm và nông sản dồi dào. Đời sống của nông dân, công nhân và toàn xã hội được cải thiện và đảm bảo. Với V.I. Lê-nin, thực hiện chính sách thuế lương thực không chỉ là sự thay thế việc trưng thu lương thực thừa mà còn có nghĩa là được tự do buôn bán các sản phẩm nông nghiệp dư thừa sau khi đã nộp thuế. Tự do thương mại chính là đòn bẩy phát triển lực lượng sản xuất của nền kinh tế nông nghiệp, đồng thời mở rộng cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa quan liêu trong kinh tế. V.I. Lê-nin viết: “những cơ sở kinh tế” của sự tiêu vong của chủ nghĩa quan liêu, của sự tiêu vong các tầng lớp trên và tầng lớp dưới, của sự tiêu vong sự bất bình đẳng” là ở “việc trao đổi hàng hóa với nông dân” [7, tr.462]. Và, “kinh tế nông dân, với tư cách là một nền kinh tế tiểu nông, không thể đứng vững được, nếu không có một sự tự do trao đổi nào đó, và không có những quan hệ tư bản chủ nghĩa gắn liền với tự do trao đổi đó” [7, tr.376]. Cũng theo V.I. Lê-nin, trao đổi hàng hoá lúc này còn là “đòn xeo chủ yếu”, là mối ghép tốt nhất để có thể củng cố khối liên minh công nông: “Không thiết lập việc trao đổi hàng hóa hay sản phẩm một cách có hệ thống giữa công nghiệp và nông nghiệp, thì không thể có được mối quan hệ đúng đắn giữa giai cấp vô sản và nông dân, không thể tạo ra được một hình thức liên minh kinh tế hoàn toàn vững chắc giữa hai giai cấp đó trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội” [7, t.43, tr.400].

Để phát triển nông nghiệp, cùng với áp dụng chính sách kinh tế mới, V.I. Lê-nin

còn chỉ đạo thực hiện mô hình hợp tác xã văn minh. Ông chỉ ra những nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã văn minh là tự nguyện, quản lý dân chủ và cùng có lợi. Ba tiền đề quan trọng để thực hiện được hợp tác xã văn minh đó là: (1) phải có chính quyền nhân dân để bảo đảm quyền làm chủ của nông dân; (2) phải hình thành và củng cố thành phần kinh tế XHCN ở những khâu then chốt của nền kinh tế; (3) phải nâng cao dân trí ở nông thôn thông qua giáo dục, văn hóa. Nếu như *NEP* mở đường để phát triển sản xuất thì hợp tác xã văn minh là bước chuyển tiếp để đưa nông dân lên CNXH.

Trong những biện pháp kinh tế, không thể không nói đến việc V.I. Lê-nin đã rất chú trọng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế với các nước tư bản để tranh thủ kỹ thuật, kinh nghiệm và thúc đẩy kinh tế phát triển. Cách “lợi dụng” tư bản mà V.I. Lê-nin tâm đắc nhất là hướng vào CNTB nhà nước, lấy đó làm khâu trung gian để chuyển một nước sản xuất nhỏ lên CNXH. Ông phân tích và lý giải: “Chủ nghĩa tư bản là xấu so với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản lại là tốt so với thời trung cổ, với nền tiểu sản xuất, với chủ nghĩa quan liêu do tình trạng phân tán của những người tiểu sản xuất tạo nên. Vì chúng ta chưa có điều kiện để chuyển trực tiếp từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội, bởi vậy, trong một mức độ nào đó, chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi, nó là sản vật tự nhiên của nền tiểu sản xuất và trao đổi; bởi vậy, chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mất xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên” [5, t.42, tr.276].

V.I. Lê-nin cũng nhìn thấy rõ nguy cơ của tệ quan liêu trong bộ máy nhà nước cho dù đó là nhà nước kiểu mới và tính chất khó khăn phức tạp của việc chống tệ nạn này. Ông đã đề ra yêu cầu: “Phát triển dân chủ đến cùng, tìm ra những *hình thức* của sự phát triển ấy, đem thí nghiệm những hình thức ấy trong *thực tiễn*, v.v...” [4, t.33, tr.97] và ông coi đó “là một trong những nhiệm vụ cấu thành của cuộc đấu tranh vì cách mạng xã hội” [4, t.33 tr.97].

V.I. Lê-nin cũng chỉ rõ, muốn cho cách mạng XHCN thành công, các đảng cách mạng phải phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, thu hút quần chúng tham gia ngày càng nhiều vào công cuộc xây dựng chế độ mới: “Thật ra, *chỉ có* ở dưới CNXH, thì trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và cá nhân, mới bắt đầu có một sự tiến lên mau chóng, thật sự, thực sự có tính chất quần chúng, lúc đầu được *đa số* dân cư tham gia, rồi về sau được toàn thể dân cư tham gia” [4, t.33, tr.123]. Một mặt, nhân dân phải tích cực, tự giác tham gia vào công việc quản lý nhà nước, mặt khác, nhà nước phải không ngừng mở rộng các quyền tự do, dân chủ của nhân dân: “dựa vào sáng kiến của bản thân quần chúng, với sự tham gia thực sự của quần chúng vào *tất cả* đời sống của nhà nước... Quần chúng càng chủ động, càng có nhiều ý kiến, càng mạnh dạn và càng có tinh thần sáng tạo khi tiến hành công việc đó thì lại càng tốt” [8, t.31, tr.337].

V.I. Lê-nin còn để lại bài học về sự linh hoạt, về phương pháp, về sách lược: “Chúng ta cũng đã học được một nghệ thuật khác (...) cần thiết trong cách mạng: đó là nghệ thuật mềm dẻo, biết tính đến những điều kiện khách quan đã thay đổi mà nhanh chóng và đột nhiên thay đổi sách lược, chọn một con đường khác để đi đến đích của

chúng ta, nếu con đường cũ, trong một thời gian nhất định nào đó, xem ra không thích hợp nữa, không đi theo được nữa” [6, t.44, tr.189]. Nhờ *Chính sách cộng sản thời chiến* mà quân đội đủ sức để chiến thắng kẻ thù, bảo vệ được Nhà nước Xô viết còn non trẻ. Khi tình hình thay đổi, cần phải giải phóng sức sản xuất có động lực cho nền kinh tế. Việc chuyển sang *NEP* đã thúc đẩy sản xuất và lưu thông, tạo ra nguồn lương thực và hàng hoá dồi dào, giúp nước Nga khắc phục được tình trạng khủng hoảng kinh tế, chính trị, củng cố lòng tin của người dân vào cách mạng XHCN. Sáng tạo, linh hoạt nhưng phải kiên định, công khai mục đích của mình là xây dựng xã hội XHCN, đó là tinh thần của V.I. Lê-nin khi nói về tính thống nhất của tính kiên định về nguyên tắc với sự sáng tạo, linh hoạt về sách lược và phương pháp trong tiến trình cách mạng.

5. Ý nghĩa của tư tưởng của V.I. Lê-nin đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Thứ nhất, về sự lựa chọn con đường phát triển của Việt Nam: Trong khi tìm con đường cứu nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã bắt gặp ánh sáng của Cách mạng tháng Mười Nga. Qua tìm hiểu về nước Nga cách mạng, đặc biệt là khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lê-nin, Người nhận thấy rằng, đây chính là cái cần thiết, là cẩm nang giải phóng cho dân tộc mình. Như một tất yếu lịch sử, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ đó, Người đã hướng cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Trong *Đường cách mệnh* (1927),

Người khẳng định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin” [9, t.2, tr.268]. Luận điểm này đã khẳng định một vấn đề mang tính nguyên tắc, nền móng cho con đường cách mạng Việt Nam, trong đó có sự nghiệp xây dựng CNXH của Đảng và nhân dân ta. Theo ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về xu hướng tất yếu của nhân loại là đi lên CNXH, Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua Hội nghị thành lập Đảng (tháng 2/1930) đã nêu rõ mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là: “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”, “để đi tới xã hội cộng sản” [1, t.2, tr.2]. Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 của Đảng khẳng định con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là “bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa” [1, t.2, tr.94]. Từ sau năm 1954, khi bắt tay vào xây dựng CNXH ở miền Bắc, chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà trực tiếp nhất là tư tưởng của V.I. Lê-nin đóng vai trò cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cho công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Thứ hai, về tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Việc vận dụng những tư tưởng của V.I. Lê-nin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở “những nước tiểu nông” được thể hiện rõ trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội II (tháng 2/1951) của Đảng khẳng định: “nhiệm vụ trung tâm của Đảng là đẩy mạnh việc kỹ nghệ hóa, phát triển kỹ nghệ nặng, phát triển thật rộng bộ phận kinh tế nhà nước, tập thể hóa nông nghiệp dần dần, thực hiện những kế hoạch dài hạn để gây thêm và củng cố cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, đặt tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Những bước của giai

đoạn này phải tùy theo điều kiện của tình hình trong nước và ngoài nước khi đó mà quyết định. Song một điều chắc chắn là chừng nào ta chưa chuẩn bị cơ sở kinh tế đầy đủ và chưa làm cho số đông quần chúng nhân dân nhận rõ chủ nghĩa xã hội là cần thiết, thì chủ nghĩa đó chưa thể thực hiện được. Ở nước ta, thời gian chuẩn bị đó, so với các nước dân chủ nhân dân khác, nhất định sẽ lâu hơn, vì ta phải kiến quốc trên cơ sở một nước nông nghiệp lâu năm bị đế quốc thống trị, tàn phá” [2, t.12, tr.89]. Những kinh nghiệm của V.I. Lê-nin: “Phải bắt đầu từ nông dân” [6, t.43, tr.263] “Cần xây dựng ngay chế độ dân chủ, bắt đầu từ cơ sở” [8, t.31, tr.336] và phải thực hiện các bước quá độ: “khi các tư liệu sản xuất đã thuộc về xã hội, khi giai cấp vô sản với tư cách giai cấp đã thắng giai cấp tư sản, thì chế độ của những xã viên hợp tác xã văn minh là chế độ xã hội chủ nghĩa” [8, t.45, tr.425]; “cơ sở kinh tế duy nhất có thể có được của chủ nghĩa xã hội là đại công nghiệp cơ khí” [8, t.44, tr.60]... đã góp phần hình thành nên những kế hoạch, chương trình, bước đi cho Việt Nam: Công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc (1954-1975) hướng vào xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá, hợp tác hoá, cải tạo XHCN các thành phần kinh tế, phát triển công nghiệp, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới... đã bước đầu tạo dựng một xã hội với bản chất tốt đẹp và tạo ra sức mạnh về mọi mặt. Nhờ đó, miền Bắc đã hoàn thành tốt cả hai nhiệm vụ chiến lược: chuẩn bị cơ sở - vật chất cho CNXH và là hậu phương lớn cho tiền tuyến miền Nam, giúp chúng ta giành thắng lợi trọn vẹn trong đấu tranh thống nhất nước nhà.

Thời kỳ 1975-1985, do nhận thức chưa thấu đáo quan điểm của V.I. Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nền kinh tế hàng

hoá, về sự cần thiết của nhiều thành phần kinh tế hoạt động đan xen nhau trong thời kỳ quá độ lên CNXH, nên Việt Nam có nhiều sai lầm, chủ quan, nóng vội trong cải tạo XHCN. Trong quản lý kinh tế, do kéo dài quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã làm triệt tiêu các động lực trong nền sản xuất xã hội, không phát huy hết các tiềm năng, nội lực trong nước, không tranh thủ được sự hợp tác quốc tế. Vì vậy, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Một lần nữa, kinh nghiệm và những chỉ dẫn của V.I. Lê-nin lại là lời giải góp phần đưa Việt Nam qua chặng đường khó khăn để thu được những thành công trong công cuộc đổi mới.

Thứ ba, về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) đã khởi xướng công cuộc Đổi mới ở Việt Nam. Bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận, tư duy kinh tế, Việt Nam đã có nhận thức rõ hơn, chuẩn xác hơn về thời kỳ quá độ lên CNXH. Công cuộc đổi mới xây dựng CNXH ở nước ta đã tập trung thực hiện theo những đặc điểm, bước đi cần thiết của thời kỳ quá độ mà V.I. Lê-nin đã chỉ ra. Với tinh thần quyết tâm, dám nghĩ, dám làm, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã mạnh dạn Đổi mới cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội. Chúng ta lại thấy tinh thần của *NEP* trong tiến trình Đổi mới ở Việt Nam, như: lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, xoá bỏ bao cấp, chuyển sang kinh tế hàng hoá, cơ chế thị trường, thừa nhận nhiều thành phần kinh tế, thu hút mạnh mẽ đầu tư của tư bản nước ngoài, thực hiện mở cửa, hội nhập, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng với đó là các chính sách quan tâm đến lợi ích con người, phát triển văn hoá, giáo dục... Những bước đi và biện pháp đúng đắn, sáng tạo, kịp thời đó đã đưa Việt Nam

vượt qua khủng hoảng, ổn định kinh tế - xã hội, đảm bảo cho việc phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Tuy nhiên, cũng cần phải nói thêm rằng, điều lớn nhất mà Việt Nam đã tiếp thu, vận dụng ở V.I. Lê-nin là tinh thần và phương pháp, còn về từng việc làm cụ thể, Đảng ta lại có những cách làm, biện pháp sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của Việt Nam. Về vấn đề này, có thể kể ra những ví dụ điển hình như: chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp, chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ đổi mới...

Về vấn đề khoán nông nghiệp, bắt đầu từ việc xuất hiện “khoán chui”, dấu hiệu đổ vỡ trong kiểu quản lý tập trung tư liệu sản xuất, Trung ương Đảng đã tổng kết thực tiễn và ban hành Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13-1-1981 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, sau đó Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 5-4-1988 thừa nhận hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ và thực hiện khoán sản phẩm đến từng hộ nông dân. Những chủ trương phù hợp với yêu cầu thực tiễn như: giao cho nông dân quyền sử dụng đất lâu dài, nông dân được chủ động từ đầu tư ban đầu đến quyền tự do trao đổi sản phẩm nông nghiệp của họ làm ra trên thị trường; hợp tác xã nông nghiệp chuyển sang làm dịch vụ cho nông dân... đã làm cho nông nghiệp Việt Nam khởi sắc, góp phần quan trọng trong giải quyết khủng hoảng kinh tế - xã hội và đưa đất nước vào giai đoạn phát triển mới.

Về chính sách đối ngoại, khắc phục quan niệm phiến diện chỉ dựa trên ý thức hệ giai cấp để xác định bạn - thù, qua thực tiễn lãnh đạo xây dựng và bảo vệ đất nước, Đảng ta dần có quan niệm khách quan, mềm dẻo, biện chứng, gắn với lợi ích quốc gia hơn khi nhìn nhận đối tác - đối tượng của cách mạng nước ta. Đảng và Nhà nước

Việt Nam đã kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ, chủ động hội nhập quốc tế với phương châm: Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Đường lối ngoại giao đúng đắn đó đã giúp chúng ta mở rộng và đa dạng hoá thị trường, tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý và khoa học công nghệ cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, đem lại cho chúng ta những cơ hội phát triển về kinh tế - xã hội, chủ động, tự tin trong hội nhập, đồng thời nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Báo cáo Chính trị Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam khi tổng kết 30 năm đổi mới đã đánh giá: “Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử” [3, tr.16].

6. Kết luận

Tư tưởng của V.I. Lê-nin về xây dựng CNXH là sự phát triển về lý luận chủ nghĩa Mác trong thời đại quá độ lên CNXH. Nó đã trở thành ánh sáng soi đường cho các nước phát triển theo định hướng XHCN. Đối với Việt Nam, những nguyên lý, luận điểm, chính sách... của V.I. Lê-nin là những chỉ dẫn quan trọng, những bài học quý giá không chỉ trong thời kỳ chuyển biến từ cách mạng dân chủ nhân dân sang cách mạng XHCN mà còn được nghiên

cứu, áp dụng trở lại trong thời kỳ đổi mới và chắc chắn sẽ còn phải được tiếp tục nhận thức và vận dụng phù hợp qua những giai đoạn quá độ tiếp theo để đi đến hoàn thành công cuộc xây dựng CNXH. Tất nhiên, do những điều kiện không gian, thời gian, quốc tế và trong nước, đặc điểm kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hoá có nhiều biến đổi và khác biệt nên việc nhận thức và vận dụng tư tưởng của V. I. Lê-nin về xây dựng CNXH cũng phải dựa trên quan điểm lịch sử cụ thể để có những bước đi, nội dung và biện pháp thích hợp khi tiến hành ở nước ta.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.2 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.12 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] V.I. Lê-nin *Toàn tập*, t.33, Nxb Tiến bộ (1976), Mát-xcơ-va.
- [5] V.I. Lê-nin *Toàn tập*, t.36, t.38, t.41, t.42, Nxb Tiến bộ (1977), Mát-xcơ-va.
- [6] V.I. Lê-nin *Toàn tập*, t.43, t.44, Nxb Tiến bộ (1978), Mát-xcơ-va.
- [7] V.I. Lê-nin *Toàn tập*, t.25, t.27, t.43, Nxb Tiến bộ (1980), Mát-xcơ-va.
- [8] V.I. Lê-nin *Toàn tập*, t.31, t.45, t.44, Nxb Tiến bộ (1981), Mát-xcơ-va.
- [9] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n (2004), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.